CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VEGA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Số: 515/BC/VG	*Bắc Ninh, ngày 11 tháng 09 năm 2026*

SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH
ĐẾN Số:
Ngày: 11/9/26
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

BÁO CÁO

Việc cho thuê nhà ở xã hội trước khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở tại dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh)

(Trước khi thực hiện cho thuê nhà ở xã hội)

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số Điều Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Hướng dẫn số 3388/SXD-QLN ngày 10/10/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc hướng dẫn một số nội dung quy định về trình tự, thủ tục mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (nay là Bắc Ninh);

Căn cứ Văn bản số 2555/SXD-QLN ngày 30/06/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đối với các tòa CT.02, CT.04 thuộc dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;

Công ty Cổ phần Đầu tư Vega báo cáo và đề nghị Sở Xây dựng đăng tải, công bố công khai tại Cổng Thông tin điện tử của Sở Xây dựng về việc cho thuê nhà ở xã hội trước khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê tại Dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh) như sau:

1. **Tên dự án:** Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại xã Quang Châu, huyện Việt Yên (nay là phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh).
2. **Chủ đầu tư dự án:** Công ty Cổ phần Đầu tư Vega.
3. **Địa điểm xây dựng dự án:** phường Quang Châu, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh).
4. **Tiến độ thực hiện dự án:**

- Hoàn thành các thủ tục về đất đai, xây dựng; hoàn thành xây dựng toàn bộ công trình thuộc dự án đưa vào sử dụng: Đến hết quý IV/2026 hoặc sớm hơn;
- Đưa dự án vào vận hành, khai thác từ Quí I/2027 hoặc sớm hơn đến hết thời hạn hoạt động của dự án.

5. **Quy mô dự án:** Diện tích dự án: 42.965,9 m², gồm các hạng mục:

- 03 tòa nhà chung cư nhà ở xã hội cao 18 tầng, diện tích xây dựng khoảng 5.002,2 m², diện tích sàn xây dựng khoảng 76.822,4 m²;
- 01 tòa nhà chung cư thương mại cao 18 tầng, với diện tích xây dựng khoảng 1.223,9 m², diện tích sàn xây dựng khoảng 21.610 m²;
- Hạng mục khác: Trường mầm non, Nhà để xe, khu phụ trợ, sân tập thể thao.

6. **Số lượng căn hộ dự kiến cho thuê gồm:** 228 căn hộ nhà ở xã hội tại tòa CT.04

7. **Diện tích căn hộ theo từng căn hộ:** có phụ lục kèm theo.

8. **Giá cho thuê căn hộ:**

Theo thông báo số 822/TB-VG ngày 22/08/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Vega về việc phê duyệt giá bán, giá cho thuê mua nhà ở xã hội tại Dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với những nội dung chính như sau:

Đơn giá cho thuê nhà ở xã hội (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, kinh phí bảo trì) là: 106.000 đồng/m²/tháng. *(Bằng chữ: Một trăm linh sáu nghìn đồng trên mét vuông một tháng).*

9. **Thời gian bắt đầu nhận hồ sơ đăng ký:** từ ngày **14/10/2026**

10. **Thời gian kết thúc nhận hồ sơ đăng ký:** hết ngày **14/11/2026**

11. **Thời gian làm việc:** Sáng: 8:30 – 11:30; Chiều: 13:30 – 17:00 (trừ ngày lễ, ngày thứ bảy và chủ nhật)

12. **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội:**

- Chi nhánh Văn phòng Chủ đầu tư tại Bắc Ninh: Tầng 1, Tòa CT1 Dự án Vegahome, TDP Tam Tầng, Phường Nếnh ,Tỉnh Bắc Ninh;
- Số điện thoại liên hệ: 088 616 0088

13. **Nội dung khác:** Không có.

Công ty Cổ phần Đầu tư Vega trân trọng báo cáo Sở Xây dựng để biết và đăng tải thông tin dự án theo quy định./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VEGA

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *UBND phường Nếnh;*
- *Lưu: VT, PKD.*

M.S.D.N: 2400918493 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VEGA
TỈNH BẮC NINH

GIÁM ĐỐC

Lê Mạnh Thắng

DANH SÁCH 228 CĂN HỘ CHUNG CƯ TÒA CT.04 - NHÀ Ở XÃ HỘI CHO THUÊ

(Đính kèm báo cáo trước tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở tại dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại xã Quang Châu, huyện Việt Yên, (nay là phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh)

Số TT	Tòa	Tầng cao	Căn số	Số căn	DT thông thuỷ (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Loại nhà ở
1	CT.04	01	01	01-01	36.2	Thường		CHCC NOXH
2	CT.04	01	02	01-02	61.9	Góc		CHCC NOXH
3	CT.04	01	03	01-03	61.9	Góc		CHCC NOXH
4	CT.04	01	04	01-04	36.2	Thường		CHCC NOXH
5	CT.04	01	05	01-05	36.8	Thường		CHCC NOXH
6	CT.04	01	06	01-06	49.5	Thường		CHCC NOXH
7	CT.04	01	07	01-07	63.3	Thường		CHCC NOXH
8	CT.04	01	08	01-08	55.6	Thường		CHCC NOXH
9	CT.04	01	09	01-09	58.1	Thường		CHCC NOXH
10	CT.04	01	10	01-10	59.8	Thường		CHCC NOXH
11	CT.04	01	11	01-11	59.8	Thường		CHCC NOXH
12	CT.04	01	12	01-12	61.8	Góc		CHCC NOXH
13	CT.04	01	13	01-13	61.8	Góc		CHCC NOXH
14	CT.04	01	14	01-14	59.8	Thường		CHCC NOXH
15	CT.04	01	15	01-15	59.8	Thường		CHCC NOXH
16	CT.04	01	16	01-16	36.4	Thường		CHCC NOXH
17	CT.04	02	02	02-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
18	CT.04	02	03	02-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
19	CT.04	02	07	02-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
20	CT.04	02	13	02-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
21	CT.04	02	14	02-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
22	CT.04	03	02	03-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
23	CT.04	03	03	03-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
24	CT.04	03	07	03-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
25	CT.04	03	13	03-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
26	CT.04	03	14	03-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
27	CT.04	03A	02	03A-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
28	CT.04	03A	03	03A-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
29	CT.04	03A	07	03A-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
30	CT.04	03A	13	03A-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
31	CT.04	03A	14	03A-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
32	CT.04	05	02	05-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
33	CT.04	05	03	05-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
34	CT.04	05	07	05-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
35	CT.04	05	13	05-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
36	CT.04	05	14	05-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH

Số TT	Tòa	Tầng cao	Căn số	Số căn	DT thông thuỷ (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Loại nhà ở
37	CT.04	06	02	06-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
38	CT.04	06	03	06-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
39	CT.04	06	07	06-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
40	CT.04	06	08	06-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
41	CT.04	06	09	06-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
42	CT.04	06	10	06-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
43	CT.04	06	11	06-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
44	CT.04	06	12	06-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
45	CT.04	06	13	06-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
46	CT.04	06	14	06-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
47	CT.04	06	15	06-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
48	CT.04	06	16	06-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
49	CT.04	06A	02	06A-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
50	CT.04	06A	03	06A-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
51	CT.04	06A	04	06A-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
52	CT.04	06A	05	06A-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
53	CT.04	06A	06	06A-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
54	CT.04	06A	07	06A-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
55	CT.04	06A	08	06A-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
56	CT.04	06A	09	06A-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
57	CT.04	06A	10	06A-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
58	CT.04	06A	11	06A-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
59	CT.04	06A	12	06A-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
60	CT.04	06A	13	06A-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
61	CT.04	06A	14	06A-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
62	CT.04	06A	15	06A-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
63	CT.04	06A	16	06A-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
64	CT.04	08	02	08-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
65	CT.04	08	03	08-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
66	CT.04	08	04	08-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
67	CT.04	08	05	08-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
68	CT.04	08	06	08-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
69	CT.04	08	07	08-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
70	CT.04	08	08	08-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
71	CT.04	08	09	08-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
72	CT.04	08	10	08-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
73	CT.04	08	11	08-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
74	CT.04	08	12	08-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
75	CT.04	08	13	08-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
76	CT.04	08	14	08-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH

Số TT	Tòa	Tầng cao	Căn số	Số căn	DT thông thuỷ (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Loại nhà ở
77	CT.04	08	15	08-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
78	CT.04	08	16	08-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
79	CT.04	09	02	09-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
80	CT.04	09	03	09-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
81	CT.04	09	04	09-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
82	CT.04	09	05	09-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
83	CT.04	09	06	09-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
84	CT.04	09	07	09-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
85	CT.04	09	08	09-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
86	CT.04	09	09	09-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
87	CT.04	09	10	09-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
88	CT.04	09	11	09-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
89	CT.04	09	12	09-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
90	CT.04	09	13	09-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
91	CT.04	09	14	09-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
92	CT.04	09	15	09-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
93	CT.04	09	16	09-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
94	CT.04	10	02	10-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
95	CT.04	10	03	10-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
96	CT.04	10	04	10-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
97	CT.04	10	05	10-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
98	CT.04	10	06	10-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
99	CT.04	10	07	10-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
100	CT.04	10	08	10-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
101	CT.04	10	09	10-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
102	CT.04	10	10	10-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
103	CT.04	10	11	10-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
104	CT.04	10	12	10-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
105	CT.04	10	13	10-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
106	CT.04	10	14	10-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
107	CT.04	10	15	10-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
108	CT.04	10	16	10-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
109	CT.04	11	02	11-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
110	CT.04	11	03	11-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
111	CT.04	11	04	11-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
112	CT.04	11	05	11-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
113	CT.04	11	06	11-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
114	CT.04	11	07	11-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
115	CT.04	11	08	11-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
116	CT.04	11	09	11-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH

Số TT	Tòa	Tầng cao	Căn số	Số căn	DT thông thuỷ (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Loại nhà ở
117	CT.04	11	10	11-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
118	CT.04	11	11	11-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
119	CT.04	11	12	11-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
120	CT.04	11	13	11-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
121	CT.04	11	14	11-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
122	CT.04	11	15	11-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
123	CT.04	11	16	11-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
124	CT.04	12	02	12-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
125	CT.04	12	03	12-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
126	CT.04	12	04	12-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
127	CT.04	12	05	12-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
128	CT.04	12	06	12-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
129	CT.04	12	07	12-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
130	CT.04	12	08	12-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
131	CT.04	12	09	12-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
132	CT.04	12	10	12-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
133	CT.04	12	11	12-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
134	CT.04	12	12	12-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
135	CT.04	12	13	12-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
136	CT.04	12	14	12-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
137	CT.04	12	15	12-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
138	CT.04	12	16	12-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
139	CT.04	12A	02	12A-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
140	CT.04	12A	03	12A-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
141	CT.04	12A	04	12A-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
142	CT.04	12A	05	12A-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
143	CT.04	12A	06	12A-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
144	CT.04	12A	07	12A-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
145	CT.04	12A	08	12A-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
146	CT.04	12A	09	12A-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
147	CT.04	12A	10	12A-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
148	CT.04	12A	11	12A-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
149	CT.04	12A	12	12A-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
150	CT.04	12A	13	12A-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
151	CT.04	12A	14	12A-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
152	CT.04	12A	15	12A-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
153	CT.04	12A	16	12A-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
154	CT.04	12B	02	12B-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
155	CT.04	12B	03	12B-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
156	CT.04	12B	04	12B-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH

Số TT	Tòa	Tầng cao	Căn số	Số căn	DT thông thuỷ (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Loại nhà ở
157	CT.04	12B	05	12B-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
158	CT.04	12B	06	12B-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
159	CT.04	12B	07	12B-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
160	CT.04	12B	08	12B-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
161	CT.04	12B	09	12B-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
162	CT.04	12B	10	12B-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
163	CT.04	12B	11	12B-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
164	CT.04	12B	12	12B-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
165	CT.04	12B	13	12B-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
166	CT.04	12B	14	12B-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
167	CT.04	12B	15	12B-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
168	CT.04	12B	16	12B-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
169	CT.04	15	02	15-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
170	CT.04	15	03	15-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
171	CT.04	15	04	15-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
172	CT.04	15	05	15-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
173	CT.04	15	06	15-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
174	CT.04	15	07	15-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
175	CT.04	15	08	15-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
176	CT.04	15	09	15-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
177	CT.04	15	10	15-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
178	CT.04	15	11	15-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
179	CT.04	15	12	15-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
180	CT.04	15	13	15-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
181	CT.04	15	14	15-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
182	CT.04	15	15	15-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
183	CT.04	15	16	15-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
184	CT.04	16	02	16-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
185	CT.04	16	03	16-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
186	CT.04	16	04	16-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
187	CT.04	16	05	16-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
188	CT.04	16	06	16-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
189	CT.04	16	07	16-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
190	CT.04	16	08	16-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
191	CT.04	16	09	16-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
192	CT.04	16	10	16-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
193	CT.04	16	11	16-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
194	CT.04	16	12	16-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
195	CT.04	16	13	16-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
196	CT.04	16	14	16-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH

Số TT	Tòa	Tầng cao	Căn số	Số căn	DT thông thuỷ (m2)	Loại căn	Loại sản phẩm	Loại nhà ở
197	CT.04	16	15	16-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
198	CT.04	16	16	16-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
199	CT.04	17	02	17-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
200	CT.04	17	03	17-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
201	CT.04	17	04	17-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
202	CT.04	17	05	17-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
203	CT.04	17	06	17-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
204	CT.04	17	07	17-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
205	CT.04	17	08	17-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
206	CT.04	17	09	17-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
207	CT.04	17	10	17-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
208	CT.04	17	11	17-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
209	CT.04	17	12	17-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
210	CT.04	17	13	17-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
211	CT.04	17	14	17-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
212	CT.04	17	15	17-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
213	CT.04	17	16	17-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
214	CT.04	18	02	18-02	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
215	CT.04	18	03	18-03	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
216	CT.04	18	04	18-04	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
217	CT.04	18	05	18-05	29.6	Thường	Studio	CHCC NOXH
218	CT.04	18	06	18-06	44.6	Thường	1N+1	CHCC NOXH
219	CT.04	18	07	18-07	63.9	Góc	2N2WC+1	CHCC NOXH
220	CT.04	18	08	18-08	53.7	Thường	2N2WC	CHCC NOXH
221	CT.04	18	09	18-09	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
222	CT.04	18	10	18-10	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
223	CT.04	18	11	18-11	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
224	CT.04	18	12	18-12	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
225	CT.04	18	13	18-13	54.9	Góc	2N2WC	CHCC NOXH
226	CT.04	18	14	18-14	48.2	Góc	2N1WC	CHCC NOXH
227	CT.04	18	15	18-15	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH
228	CT.04	18	16	18-16	46.5	Thường	1N+1	CHCC NOXH

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ XÂY DỰNG

Số: 499 /TB-SXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 9 năm 2026



THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư VEGA

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số 2438/GPXD ngày 28/8/2023 của Sở Xây dựng;

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế cơ sở được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 1614/SXD-QLN ngày 21/6/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư VEGA phê duyệt tại Quyết định dự án số 02/QĐ-VG ngày 28/6/2022; hồ sơ thiết kế triển khai sau TKCS được Công ty Cổ phần Đầu tư VEGA phê duyệt tại Quyết định số 03/QĐ-VG ngày 20/7/2023 và các hồ sơ thiết kế điều chỉnh, bổ sung;

Căn cứ Báo cáo số 909/BC-VG ngày 09/9/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư VEGA về việc hoàn thành thi công xây dựng công trình Nhà ở xã hội Tòa CT.02, CT.04, hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án ĐTXD Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân xã Quang Châu, huyện Việt Yên; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 24/8/2026 của Chủ đầu tư và các bên liên quan.

Sở Xây dựng thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành của Công ty Cổ phần Đầu tư VEGA đối với công trình [1] như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình: Nhà ở xã hội Toà CT.02, CT.04, hạ tầng kỹ thuật thuộc Dự án ĐTXD Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

b) Mã định danh dự án; mã định danh công trình xây dựng: Chưa có thông tin.

c) Địa điểm xây dựng: Phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh (trước đây là xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

d) Loại và cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp II.

đ) Các thông số chính của công trình:

---

[1] Thực hiện Văn bản số 9253/UBND-KTN ngày 19/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về áp dụng cơ chế "Luồng xanh 24 giờ" đối với các dự án, công trình quy mô lớn, ý nghĩa khởi công, khánh thành chào mừng các sự kiện trọng đại trong tháng 9/2026.

- Toà CT.02: Công trình có 18 tầng nổi và 01 tum, diện tích xây dựng khoảng 1.746m^2, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 29.390,5m^2. Các không gian chức năng chính trong công trình gồm: Căn hộ ở; các khu cầu thang bộ, thang máy, sảnh, hành lang, các không gian công cộng, kỹ thuật công trình. Công trình sử dụng giải pháp móng cọc ly tâm BTCT, hệ đài cọc, giằng móng sử dụng kết cầu BTCT toàn khối; phần thân sử dụng hệ khung sàn kết hợp vách BTCT toàn khối. Hệ thống kỹ thuật công trình (cấp điện, cấp thoát nước, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC…) và hoàn thiện công trình được đầu tư đồng bộ.

- Toà CT.04: Công trình có 18 tầng nổi và 01 tum, diện tích xây dựng khoảng 1.236m^2, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 20.680,7m^2. Các không gian chức năng chính trong công trình gồm: Căn hộ ở; các khu cầu thang bộ, thang máy, sảnh, hành lang, các không gian công cộng, kỹ thuật công trình. Công trình sử dụng giải pháp móng cọc ly tâm, hệ đài cọc, giằng móng sử dụng kết cầu BTCT toàn khối; phần thân sử dụng hệ khung sàn kết hợp vách BTCT toàn khối. Hệ thống kỹ thuật công trình (cấp điện, cấp thoát nước, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC…) và hoàn thiện công trình được đầu tư đồng bộ.

- Hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án (san nền, sân đường nội bộ, cấp nước, thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc) được đầu tư xây dựng đồng bộ.

(Nội dung về quy mô, giải pháp thiết kế cụ thể theo thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định, phê duyệt).

2. Yêu cầu đối với Chủ đầu tư

Sở Xây dựng kiểm tra xác suất về thành phần, danh mục hồ sơ hoàn thành công trình, hiện trường thi công bằng trực quan (đối chiếu theo thiết kế được thẩm định, phê duyệt), kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ. Yêu cầu đối với Chủ đầu tư:

a) Qua kiểm tra thực tế, chủ đầu tư điều chỉnh một số vật tư, vật liệu sử dụng cho công trình như: Sơn trong nhà sử dụng sơn phủ mịn (dự toán phê duyệt là sơn bán bóng), thép cốt bê tông sử dụng thép Shengli (dự toán phê duyệt là Tisco), cửa đi sử dụng nhôm hệ Việt Pháp dày 1,4mm (dự toán phê duyệt hệ Xingfa dày 2,0mm); không thi công nắp máng cáp tại hành lang các tầng. Sở Xây dựng yêu cầu chủ đầu tư rà soát lại toàn bộ dự toán các công trình, hạng mục công trình thuộc dự án, thực hiện giảm trừ quyết toán khối lượng, chủng loại vật tư, thiết bị sử dụng cho các công trình (như với các vật liệu nêu trên) theo đúng thực tế thi công.

b) Tổ chức rà soát công tác quản lý chất lượng công trình, hiện trường thi công xây dựng để bổ sung, hoàn thiện các tồn tại, thiếu sót (nếu có), đảm bảo nghiệm thu theo thực tế thi công, phù hợp theo dự án, thiết kế được duyệt, tuân thủ theo quy định của pháp luật; tập hợp và lưu trữ đầy đủ hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026.

c) Trong quá trình khai thác, sử dụng, Chủ đầu tư hoặc đơn vị khai thác, vận hành chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng hạng mục công trình, công trình xây dựng đúng quy hoạch, công năng, tải trọng theo thiết kế được thẩm định, phê duyệt; không tự ý cơi nới, thay đổi diện tích sử dụng các hạng mục công trình.

d) Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy của công trình trong suốt quá trình vận hành, khai thác sử dụng theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng công trình chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu công trình, chất lượng công trình xây dựng, tiến độ thực hiện dự án; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, phù hợp của: Hồ sơ thiết kế so với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn thiết kế; hồ sơ, bản vẽ hoàn công so với hồ sơ thiết kế được duyệt; hồ sơ hoàn thành công trình so với nội dung báo cáo hoàn thành, thực tế thi công và các quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - TT HCC tỉnh;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, QLCL Hùng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BẮC NINH

Lê Quang Minh